

Số: 102 /QĐ-UBND

Bảo Lý, ngày 14 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách xã  
và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác  
của UBND xã Bảo Lý năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BẢO LÝ**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số: 02/2023/NQ-HĐND ngày 31/6/2023 của Hội đồng nhân dân xã Bảo Lý về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác năm 2022 của UBND xã Bảo Lý

*(Theo các biểu đính kèm).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội ở xã;
- Các trưởng xóm trong xã;
- Lưu: Văn phòng UBND, Ban Tài chính.

**CHỦ TỊCH**

**Dương Văn Thế**

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022***(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**Đơn vị: đồng*

<b>NỘI DUNG</b>	<b>QUYẾT TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>QUYẾT TOÁN</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>8.722.165.009</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>8.683.502.417</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	46.080.000	I. Chi đầu tư phát triển	1.806.274.920
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup>	147.558.681	II. Chi thường xuyên	5.875.227.497
III. Thu bổ sung	8.498.540.217	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	1.002.000.000
- Bổ sung cân đối	4.925.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	3.573.540.217		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	29.986.111	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)			
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>38.662.592</b>		

## QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	5.378.000.000	<b>5.188.000.000</b>	<b>8.755.852.320</b>	<b>8.722.165.009</b>	<b>162,81</b>	<b>168,12</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>78.000.000</b>	<b>78.000.000</b>	<b>46.080.000</b>	<b>46.080.000</b>	<b>59,08</b>	<b>59,08</b>
	Phí, lệ phí	35.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000	100	100,00
	Thu kết dư ngân sách năm trước						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	43.000.000	43.000.000	11.080.000	11.080.000	25,77	25,77
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>339.000.000</b>	<b>149.000.000</b>	<b>181.245.992</b>	<b>147.558.681</b>	<b>53,46</b>	<b>99,03</b>
1	Các khoản thu phân chia	54.000.000	39.000.000	53.813.170	40.589.403	99,65	104,08
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000.000	4.000.000	6.465.631	6.465.631	161,64	161,64
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	20.000.000	20.000.000	20.900.000	20.900.000	104,50	104,50
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	30.000.000	15.000.000	26.447.539	13.223.772	88,16	88,16
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	285.000.000	110.000.000	127.432.822	106.969.278	44,71	97,24
	- Thuế GTGT	110.000.000	110.000.000	106.969.278	106.969.278	97,24	97,24

	- Thuế TNCN	175.000.000		20.463.544		11,69	
3	- Thu tiền sử dụng đất						
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>						
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			<b>29.986.111</b>	<b>29.986.111</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.961.000.000</b>	<b>4.961.000.000</b>	<b>8.498.540.217</b>	<b>8.498.540.217</b>	<b>171,31</b>	<b>171,31</b>
	- Thu bổ sung cân đối	4.961.000.000	4.961.000.000	4.925.000.000	4.925.000.000	99,27	99,27
	- Thu bổ sung có mục tiêu			3.573.540.217	3.573.540.217		

## QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>7 996 274 920</b>	<b>2 808 274 920</b>	<b>5 188 000 000</b>	<b>8 683 502 417</b>	<b>2 808 274 920</b>	<b>5 875 227 497</b>	<b>109%</b>	<b>100%</b>	<b>113%</b>
	Trong đó									
1	Chi dân quân tự vệ, ANTT	655 000 000		655 000 000	676 024 054		676 024 054	<b>103%</b>		<b>103%</b>
2	Chi y tế	70 000 000		70 000 000	64 368 000		64 368 000	<b>92%</b>		
3	Chi văn hóa, thông tin	31 500 000		31 500 000	31 048 100		31 048 100	<b>99%</b>		<b>99%</b>
4	Chi thể dục thể thao	22 500 000		22 500 000	69 300 000		69 300 000	<b>308%</b>		<b>308%</b>
5	Chi bảo vệ môi trường				7 980 000		7 980 000			
6	Chi các hoạt động kinh tế ( Giao thông)	2 808 274 920	2 808 274 920		1 806 274 920	1 806 274 920			<b>64%</b>	
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4 108 000 000		4 108 000 000	4 828 147 343		4 828 147 343	<b>118%</b>		<b>118%</b>
8	Chi cho công tác xã hội	199 000 000		199 000 000	198 360 000		198 360 000	<b>100%</b>		<b>100%</b>
9	Chi khác									
10	Dự phòng	102 000 000		102 000 000						
11	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				1 002 000 000	1 002 000 000				

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>5.550.265.171</b>	<b>3.743.990.251</b>	<b>5.550.265.171</b>	<b>1.806.274.920</b>	<b>1.806.274.920</b>	<b>1.806.274.920</b>	
Tuyến đường cầu Cô Dạ đi Đồng Dinh xóm Cô Dạ xã Bảo Lý	2021	2.103.154.385	1.495.003.885	2.103.154.385	608.150.500	608.150.500	608.150.500	
Đường GTNT xóm Đình Thượng đi xóm Kang xã Bảo Lý năm 2021	2021	642.651.393	424.610.393	642.651.393	218.041.000	218.041.000	218.041.000	
Đường GTNT xóm Dinh xã Bảo Lý năm 2021	2021	731.593.659	483.342.159	731.593.659	248.251.500	248.251.500	248.251.500	
Đường GTNT xóm Cầu Gỗ xã Bảo Lý năm 2021	2021	189.727.744	125.366.244	189.727.744	64.361.500	64.361.500	64.361.500	
Đường GTNT xóm Ngược xã Bảo Lý năm 2021	2021	174.220.422	115.112.922	174.220.422	59.107.500	59.107.500	59.107.500	
Đường GTNT xóm Thượng xã Bảo Lý năm 2022	2022	310.603.199	199.991.759	310.603.199	110.611.440	110.611.440	110.611.440	
Đường GTNT xóm Cô Dạ xã Bảo Lý năm 2022	2022	125.111.038	80.596.678	125.111.038	44.514.360	44.514.360	44.514.360	
Đường GTNT xóm Quyền xã Bảo Lý năm 2022	2022	125.111.038	80.596.678	125.111.038	44.514.360	44.514.360	44.514.360	
Đường GTNT xóm Thượng Mới xã Bảo Lý năm 2022	2022	621.206.399	399.983.519	621.206.399	221.222.880	221.222.880	221.222.880	
Đường GTNT xóm Ngược xã Bảo Lý năm 2022	2022	91.171.657	58.797.577	91.171.657	32.374.080	32.374.080	32.374.080	
Đường GTNT xóm Vạn Giã xã Bảo Lý năm 2022	2022	310.603.199	199.991.759	310.603.199	110.611.440	110.611.440	110.611.440	
Đường GTNT xóm Cầu Gỗ xã Bảo Lý năm 2022	2022	125.111.038	80.596.678	125.111.038	44.514.360	44.514.360	44.514.360	

**THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022***(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**Đơn vị: đồng*

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>59 125 500</b>	<b>59 125 500</b>		<b>53 991 000</b>	<b>53 991 000</b>	
<b>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</b>	<b>59 125 500</b>	<b>59 125 500</b>		<b>53 991 000</b>	<b>53 991 000</b>	
Quỹ chữ thập đỏ	13 139 000	13 139 000		11 998 000	11 998 000	
Quỹ vì người nghèo	19 708 500	19 708 500		17 997 000	17 997 000	
Quỹ tình nghĩa	13 139 000	13 139 000		11 998 000	11 998 000	
Quỹ vì trẻ thơ	13139000	13 139 000		11998000	11 998 000	

*Bảo Lý, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

**THÔNG BÁO**

**Về việc công khai quyết toán ngân sách xã  
và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác  
của UBND xã Bảo Lý năm 2022**

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của UBND xã Bảo Lý về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác của UBND xã Bảo Lý năm 2022.

Căn cứ vào biên bản niêm yết ngày 14 tháng 7 năm 2023.

Nay UBND xã Bảo Lý thông báo về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác của UBND xã Bảo Lý năm 2022. Cụ thể như sau:

Hình thức công khai: Dán niêm yết tại UBND Xã Bảo Lý, thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các xóm.

Thời gian công khai: Kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2023 đến ngày 14 tháng 8 năm 2023.

Ủy ban nhân dân xã thông báo tới toàn thể cán bộ, công chức cơ quan được biết./.

**Nơi nhận :**

- Thường trực Đảng;
- Thường trực HĐND;
- Các tổ chức chính trị - xã hội ở xã;
- Các trưởng xóm;

**TM. UBND XÃ BẢO LÝ  
CHỦ TỊCH**

**Dương Văn Thế**